

Bản án số: 983/2022/HC-PT

Ngày 23 - 12 - 2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai về thu hồi, bồi
thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên
Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại phòng xét xử số 5 trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 289/2022/TLPT-HC ngày 20 tháng 7 năm 2022, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh VL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1719/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Hải Ph, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 116/7, LB, phường 4, quận TB, TP. Hồ Chí Minh; Ở: Số 48/62D, Hồ Biểu Chánh, phường 11, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Hải Ph: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1956; Địa chỉ: số 115, PDL, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Ở: số 57, đường T4B, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ngày 09/10/2019, có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) thành phố VL, tỉnh VL; Địa chỉ: số 79, đường 30/4, phường 1, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đặng Minh Q, Phó Chủ tịch UBND thành phố VL (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn Ph1, Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường thành phố VL; Ông Lê Hồng Th1 – Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố VL, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND tỉnh VL; Địa chỉ: Số 88, đường HTH, Phường 1, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lữ Quang Ng - Chủ tịch UBND tỉnh VL (có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Trần Minh Kh - Phó Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh VL (có văn bản xin vắng mặt).

2. Bà Tăng Thị Hải Y, sinh năm 1952; Địa chỉ: số 116/7, LB, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Ở: số 207/18A, khóm 4, Phường 9, thành phố VL, tỉnh VL (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Hải Ph là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01 tháng 10 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là chị Trần Hải Ph và người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Tăng Thị Hải Y1 và ông Trần Đại D (sinh năm 1943, chết ngày 29/12/2014) là vợ chồng, có các con chung là Trần Hải Ph, Trần Hải Ph2, Trần Nguyên Ch.

Chị Trần Hải Ph được cha là ông Trần Đại D tặng cho phần đất thừa 238 diện tích 189m² (50m² đất ở và 139m² vườn) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là: GCN.QSĐĐ) số AP 017454 ngày 13/5/2009. Nguồn gốc phần đất do ông Trần Đại D đăng ký trong tổng diện tích 1.300m² được cấp GCN.QSĐĐ, sau đó đã tách thửa cho các con vào năm 2009.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, chị Ph nhận được Thông báo số 411/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố VL về việc di dời nhà, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng để giao đất theo Quyết định thu hồi đất. Đây là lần đầu tiên, chị Ph nhận được văn bản chính thức của chính quyền liên quan việc thu hồi đất nên đã liên hệ các cơ quan để xin giấy tờ có liên quan nhưng không được cấp. Ngày 10/11/2017, chị Ph khiếu nại việc thu hồi đất. Ngày 09/01/2018, chị Ph nhận được Quyết định số 5826/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND thành phố VL về việc giải quyết khiếu nại và bản photo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gồm: Tờ trình 215/TTr.STNMT ngày 28/01/2010 của Sở tài

nguyên và Môi trường đi kèm Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh VL, Tờ trình số 05/TTr.PTNMT ngày 19/7/2016 của Phòng tài nguyên và môi trường đi kèm Quyết định 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố VL.

Ngày 27/02/2018, chị Ph nhận được Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của UBND thành phố VL về việc thu hồi 189m² của chị Trần Hải Ph (sau đây gọi tắt là: Quyết định số 1699).

Do vậy, ngày 10/4/2018, chị Ph có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1699. Lý do không thực hiện các biện pháp tổng đạt quyết định thu hồi đất đến gia đình trong khoảng thời gian phù hợp làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị. Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/10/2018, đề nghị xác định đơn giá đất bồi thường đất thổ cư là 6.000.000đ/m² theo giá đóng thuế năm 2014 và mức hỗ trợ 50%. Tại biên bản ngày 03/10/2018, chị Ph đồng ý với Quyết định thu hồi đất nhưng yêu cầu áp giá đất đền bù năm 2018, cụ thể giá đất thổ cư là 6.000.000đ/m², giá cây trồng bằng 50% vì nhận được quyết định năm 2018. Tại phiên đối thoại ngày 29/10/2019, chị Ph rút yêu cầu về bồi thường, kiện bổ sung Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố VL về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện do người đại diện hợp pháp trình bày: Bổ sung yêu cầu xem xét tính pháp lý của việc UBND thành phố VL rút lại phương án bồi thường sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử dẫn đến việc tự đối thoại ngoài tòa ngày 10/12/2021 không thành và khẳng định đã rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung đối Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố VL về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung, chỉ còn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1699/QĐ-UBND về việc thu hồi đất. Với lý do phần đất bị thu hồi không được người bị kiện chứng minh vị trí đất có thuộc Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và khu hành chính tập trung tỉnh VL được ban hành vào năm 2005 hay không. Quyết định bị khởi kiện vi phạm về thể thức khi không viện dẫn đầy đủ và viện dẫn sai văn bản; Việc ban hành quyết định thu hồi đất khi chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể cho người bị thu hồi đất là vi phạm pháp luật đất đai. Quá trình thực hiện, UBND thành phố VL đã không thực hiện đúng chỉ đạo của UBND tỉnh VL về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho chị Ph. Thời hạn công bố quyết định là vi phạm.

Tại các văn bản số 1118/UBND ngày 11/6/2018, về việc phúc đáp thông báo thụ lý vụ án; số 469/UBND-NC ngày 06/3/2020; số 1641/UBND-NC ngày 10/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố VL do người đại diện hợp pháp trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện

và khởi kiện bổ sung của người khởi kiện. Bởi vì đầu tư xây dựng hạ tầng khu hành chính tỉnh VL và khu dân cư phường 9 là dự án trọng điểm của tỉnh. Có 98 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng về đất và 134 hộ bị ảnh hưởng về tài sản là nhà, vật kiến trúc. Đã có 128 hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, di dời mặt bằng để xây dựng công trình (chiếm 95,5%), chỉ còn 06 hộ dân chưa nhận tiền, trong đó có 04 hộ là bà Y1 và 03 người con (trong đó có chị Ph). Dự án đã được thực hiện từ năm 2009 trên cơ sở các văn bản của UBND tỉnh VL: Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 06/7/2006 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Quyết định 214/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Quyết định 2027/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 về việc phê duyệt dự án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Công văn số 2517/UBND-KTN ngày 21/9/2009 chấp thuận chủ trương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với trường hợp cổ tình không cho đơn vị triển khai đo đạc, lập biên bản từng trường hợp cho áp giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo số liệu diện tích được xác định trên nền bản đồ địa chính chính quy, nếu có khiếu nại sẽ giải quyết sau; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 về việc phê duyệt dự án bồi thường.

Ngày 28/8/2009, Hội đồng bồi thường được thành lập theo Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 14/8/2009) đã tổ chức họp dân triển khai dự án từ ngày 03/9/2009, hộ ông Trần Đại D và các con là 04 trong số 28 hộ không cho đo đạc, kiểm đếm.

Ngày 28/01/2010, họp 28 hộ dân này thì ông D có dự và phát biểu ý kiến.

Ngày 05/7/2010, UBND thành phố VL ban hành Quyết định số 1699/QĐ-UBND thu hồi 189m² của chị Ph, trước đó thuộc hộ ông Trần Đại D. Hộ ông D bị thu hồi đất 02 lần. Lần 1, thu hồi một phần làm đường Võ Văn Kiệt; phần còn lại, ông D đã tách cho 03 người con. Lần 2, thu hồi xây dựng khu hành chính, quá trình làm việc, ông D dự, sau đó bà Y1, đồng thời cũng đại diện cho 03 con dự.

Ngày 11/8/2010, công bố quyết định thu hồi đất đối với 98 hộ, có 75 hộ đến nhận quyết định, còn 23 hộ không đến, trong đó có 04 hộ của ông D không đến nhận quyết định, không khiếu nại. Sau đó có 17 hộ tự đến nhận quyết định.

Năm 2011, thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu kiềm chế lạm phát, tạm dừng thực hiện dự án chờ chủ trương của UBND tỉnh và vốn.

Năm 2012-2017, thực hiện công tác vận động.

Về giá bồi thường, áp dụng khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, đã có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 nên không thể áp giá đất, nhà, vật kiến trúc khác và giá cây trồng năm 2016.

Ngoài ra, trong các văn bản, người bị kiện cũng đã nêu và chứng minh về tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định bị khởi kiện.

Tại văn bản số 1032/UBND-NC ngày 10/3/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh VL trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện. Đồng thời nêu và khẳng định, tuy có việc điều chỉnh quy hoạch 05 lần nhưng phần đất có liên quan yêu cầu khởi kiện của bà Y1 và các con (trong đó có chị Ph) đều thuộc diện tích đất thu hồi, việc điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, căn cứ ban hành các quyết định, về phê duyệt phương án bồi thường, giải quyết khiếu nại, qua đó xác định việc khiếu kiện của chị Ph là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh VL, đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 3, 5, 30, 32, 115, 116, 173, 193, 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 44 Luật đất đai năm 2003; các điều 34, 69, 113, 114 Luật Đất Đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành luật đất đai.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hải Ph về việc hủy Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của UBND thành phố VL, về việc thu hồi 189,0 (50,0 ở đô thị + 139,0 lâu năm quả) m² đất tọa lạc tại phường 9 thành phố VL.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Trần Hải Ph về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố VL, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung công trình Khu hành chính tỉnh và Khu dân cư Phường 9-TPVL; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 04/01/2022 người khởi kiện chị Trần Hải Ph có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và ngày 17/01/2021 chị Trần Hải Ph có đơn sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo. Lý do kháng cáo: Quyết định số 1699 là một quyết định cá biệt đã được ban hành không đúng thẩm quyền, không đủ căn cứ pháp luật để ban hành, vi phạm trình tự, thủ tục của Nghị định số 69/NĐ-CP năm 2009; Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chưa làm rõ đất bị thu hồi của người khởi kiện theo Quyết định 1699 có nằm trong hay ngoài Bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500 được ban hành kèm theo Quyết định 1430/QĐ-UBND ngày 06/7/2006 và Quyết định

214/QĐ-UBND ngày 19/01/2019 của UBND tỉnh VL về diện tích, vị trí đất thực hiện dự án cần được thu hồi. Nhưng người bị kiện đã không chứng minh được Bản vẽ quy hoạch chi tiết. Mặt khác, người khởi kiện cũng đã có đơn yêu cầu tiến hành kiểm tra thực địa để xác định vị trí đất bị thu hồi nằm trong hay ngoài ranh quy hoạch nhưng yêu cầu này không được Tòa sơ thẩm chấp nhận. Vì thế chị Trần Hải Ph kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm để giao xét xử sơ thẩm lại và khắc phục các thiếu sót trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo chị Trần Hải Ph do ông Trần Văn Th làm đại diện trình bày: Giữ nguyên các lý do và yêu cầu kháng cáo yêu trên, do Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 ghi thu hồi đất là của cá nhân chị Ph, trong khi đất chị Ph được cấp là đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, nội dung này cấp sơ thẩm không làm rõ xem cấp cho hộ hay cá nhân; Người bị kiện không cung cấp được Bản vẽ quy hoạch tỷ lệ 1/500 theo Luật quy hoạch nên việc người khởi kiện yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ là chính đáng nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Việc UBND thành phố VL cho ông D tách thửa đất 173 ra thành nhiều thửa để cho các con trong đó có chị Ph là căn cứ để chứng minh đất của ông D cho các con là không nằm trong quy hoạch; Việc cấp đất tái định cư là trách nhiệm của người bị kiện nhưng người bị kiện không làm thủ tục cấp đất tái định cư khi thu hồi đất nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía người bị kiện cung cấp Công văn số 4749/UBND-NC ngày 16/11/2022 để cho rằng đã cấp cho chị Ph một nền đất tái định cư diện tích 94,5m² nhưng do chị Ph đang khởi kiện nên chưa giao, đây là trách nhiệm của người bị kiện và không nằm trong yêu cầu khởi kiện của chị Ph nên người khởi kiện không ý kiến. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, để giao Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- *Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cùng thống nhất trình bày:* Bảo lưu lời trình bày như các văn bản mà nội dung án sơ thẩm đã nêu trên; hiện nay người bị kiện đã có nền tái định cư 94,5m² cấp cho chị Ph như Công văn số 4749/UBND-NC ngày 16/11/2022 cung cấp cho Tòa hôm nay. Nên, thống nhất với nhận định, quyết định của án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của chị Ph, giữ nguyên án sơ thẩm.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Việc thu hồi đất của chị Trần Hải Ph là thực hiện theo quy hoạch đã được UBND tỉnh VL phê duyệt theo Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 06/7/2006, đây là chủ trương của tỉnh nhằm phát triển hạ tầng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế tỉnh VL. Với quy mô thu hồi 37.081m² với hơn 100 hộ dân được xét bồi thường và có tài sản trên đất bị ảnh hưởng; trong đó, có đất hộ chị Trần Hải Ph. Quá trình thực hiện thu hồi đất tất cả các hộ dân trong quy hoạch của dự án đều đồng tình ủng hộ thực hiện chủ trương của tỉnh và thống nhất cho kiểm kê bàn giao tài sản, nhận tiền bồi thường và nhận nền tái định cư để ổn định cuộc sống. Đối với hộ chị Ph sau khi biết được nội dung triển khai đo đạc thu hồi đất tại cuộc họp ngày 27/8/2009 (do ông Trần Trần Đại D là chị Ph dự). Sau đó chị Ph và một số hộ dân khác không cho đo đạc, kiểm kê tài sản (có 14 hộ sau này còn lại 04 hộ). Vì lẽ đó, UBND tỉnh VL ban hành Quyết định 270/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng khu hành chính tỉnh và khu dân cư phường 9, thành phố VL.

Đối với Quyết định 1699/QĐ-UBND thu hồi 189m² đất của chị Ph nêu trên. Ngày 11/8/2010, UBND Phường 9 đã tiến hành mời các hộ dân trong dự án công bố quyết định thu hồi đất, trong đó có chị Ph. Đối với quyết định thu hồi đất nêu trên xét về thẩm quyền ký quyết định thu hồi đất là có vi phạm về hình thức, nhưng không làm ảnh hưởng nội dung quyết định. Nội dung quyết định thu hồi đất là đúng quy định, cũng như diện tích đất bị thu hồi và tài sản trên đất là đúng hiện trạng sử dụng đất của chị Ph đang quản lý. Vì vậy, chị Ph yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1699/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của UBND thành phố VL là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND thành phố VL về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tái định cư bổ sung, xét thấy đại diện theo ủy quyền của chị Ph trình bày xin rút yêu cầu này, việc đại diện theo ủy quyền của chị Ph xin rút yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm là sự tự nguyện nên có căn cứ chấp nhận, bên cạnh đó tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bị kiện cung cấp Công văn số 4749/UBND ngày 16/11/2022 xác định đã dành cho chị Ph một nền tái định cư diện tích 94,5m² nhưng do chị Ph đang khiếu kiện nên chưa ban hành quyết định, như vậy là đã đảm bảo được quyền lợi của chị Ph. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Ph; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện là đúng quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015 nên được xem xét tại cấp phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện; thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Tòa sơ thẩm xác định là đúng quy định tại Khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32 và Điều 116 Luật tổ tụng hành chính và Án lệ số 10/2016/AL.

[3] Người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh VL có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính Tòa xét xử vắng mặt họ.

- *Về nội dung*: Đối với kháng cáo của người khởi kiện chị Trần Hải Ph, xét:

[1] Về tính hợp pháp và có căn cứ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức quyết định.

[1.1] Về thẩm quyền:

Quyết định số 1699/QĐ-UBND là quyết định thu hồi đất nên theo quy định tại Điều 44 Luật đất đai năm 2003 thì thẩm quyền ban hành là của UBND thành phố VL nhưng Chủ tịch UBND thành phố VL ban hành là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, Theo quy định tại Khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND năm 2003 thì UBND huyện thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn về thu hồi đất đối với cá nhân và hộ gia đình. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND năm 2003 thì Chủ tịch UBND có những nhiệm vụ và quyền hạn lãnh đạo công tác của UBND, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của UBND. Nên Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Chủ tịch UBND thành phố VL thay mặt UBND thành phố VL ký ban hành Quyết định số 1699/QĐ-UBND là phù hợp với sự phân công nhiệm vụ đối với lãnh đạo UBND, không trái với quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định hành chính. Do đó, Tòa sơ thẩm bác yêu cầu hủy Quyết định 1699/QĐ-UBND của người khởi kiện là có căn cứ.

[1.2] Về thủ tục thu hồi đất: Thủ tục thông báo, họp dân triển khai thực hiện dự án, tổ chức đo đạc, kiểm đếm là đúng theo quy định tại Điều 49 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 nhưng hộ ông Trần Đại D và 03 người con không cho đo đạc kiểm đếm là một trong các nguyên nhân chính ảnh hưởng đến thủ tục thu hồi đất.

[1.3] Về thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Về trình tự, thủ tục, nguyên tắc xác định giá đất, giá trị tài sản là đúng quy định tại Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009. Về nguyên tắc và cách xác định giá đất, giá trị tài sản là thực hiện đúng Quyết định số 19/2007/QĐ-UBND ngày 16/10/2007, Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 05/11/2009, Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 27/8/2009, Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh VL.

Thời gian ban hành quyết định bồi thường kéo dài là do Luật đất đai năm 2003 không quy định về kiểm đếm bắt buộc, phải thực hiện vận động kiểm đếm và kiểm đếm bổ sung. Tính từ ngày 18/12/2015 khi chị Ph, thông qua mẹ là bà Y1 đồng ý cho kiểm đếm, đến ngày 29/6/2016 ban hành Quyết định 3255/QĐ-UBND và công bố quyết định ngày 12/8/2016 là đảm bảo theo quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Về cấp đất tái định cư: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bị kiện cung cấp Công văn số 4749/UBND ngày 16/11/2022 xác định trường hợp của chị Ph được cấp một nền tái định cư diện tích 94,5m² tại khu tái định cư của công trình xây dựng khu hành chính tỉnh và khu dân cư Phường 9 là đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đại diện người khởi kiện cho rằng không khởi kiện Quyết định 3255/QĐ-UBND nên không có ý kiến đối với việc cấp nền tái định cư, mà đó là trách nhiệm của người bị kiện, vì thế Hội đồng xét xử chỉ nêu ra để làm căn cứ xem xét về sau khi người khởi kiện có yêu cầu.

[2] Về tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung quyết định bị khởi kiện; quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan bị khiếu nại, khởi kiện; Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất thửa 328, diện tích 189m² bị thu hồi có nguồn gốc từ phần đất diện tích 1.411m² do Bộ tư lệnh QK9 cấp cho ông Trần Đại D là thương binh từ ngày 15/6/1992 theo Giấy chứng nhận sử dụng nhà đất trong quân đội số 6259/TTND có nội dung là *đất quân đội quản lý, không có quyền nhượng bán hoặc sang lại cho người khác... Khi hoàn cảnh nào tự nguyện không ở đất quân đội nữa thì trả lại cơ quan quản lý (cơ quan thường trực nhà đất Quân khu) để phân phối cho cán bộ khác*. Điều này thể hiện, Nhà nước đã có chế độ đãi ngộ đối với ông Trần Đại D là người có công với nước.

Quá trình sử dụng đất, ông D đã kê khai đăng ký thuộc thửa 173, diện tích 1.433,2m² theo GCN.QSĐĐ số vào sổ H4496 ngày 16/11/2005 cấp cho hộ Trần Đại D. Sau khi bị thu hồi đất diện tích 89,2m² theo Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 16/10/2008 để xây dựng Đường 2 tháng 9 nổi dài. Ông D đã lập thủ tục tách thửa theo các GCN.QSĐĐ cùng ngày 13/5/2009 thành các thửa 236, diện tích 776,1m² (cấp đổi GCN.QSĐĐ số BV078515, sổ vào sổ CH03773 ngày 06/4/2015 cho ông Trần Đại D và bà Tăng Thị Hải Y1); thửa 237, diện tích 186,6m² (tặng cho con là Trần Hải Ph2 theo chỉnh lý mặt 4 ngày 10/7/2009); thửa 238, diện tích 189,0m² (tặng cho con là Trần Hải Ph theo chỉnh lý mặt 4 ngày 23/6/2009); thửa 239, diện tích 192,2m² (tặng cho con là Trần Nguyên Ch theo chỉnh lý mặt 4 ngày 23/6/2009). Tại thời điểm ông D lập thủ tục tách thửa và tặng cho con (tháng 6/7/2009), UBND tỉnh VL đã ban hành Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 06/7/2006 phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ

1/500 dự án xây dựng khu hành chính tỉnh VL và khu dân cư phường 9 là vi phạm pháp luật đất đai năm 2003.

Trong quá trình thực hiện thủ tục thu hồi đất, tại phiếu tiếp nhận ngày 12/01/2010, ông D đại diện chị Ph ghi ý kiến thống nhất chủ trương xây dựng công trình, chính sách tái định cư chỉ không thống nhất giá bồi thường về đất và chính sách hỗ trợ. Quyết định số 1699/QĐ-UBND tuy không được giao cho chị Ph là vi phạm khoản 3 Điều 53 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 nhưng đã được công bố ngày 11/8/2010 đối với 98 hộ, có 75 hộ đến nhận quyết định, còn 23 hộ không đến nhưng sau đó có 17 hộ tự đến nhận quyết định, chỉ còn 06 hộ không đến nhận quyết định nhưng không khiếu nại, trong đó có hộ ông D và 03 người con. Trong quá trình niêm yết công khai phương án bồi thường, ngày 19/01/2010, có lấy ý kiến người dân, trong đó có 04 phiếu của ông D và 03 người con do ông D đại diện. Theo sổ hộ khẩu số 31100114452 do Công an quận TB cấp ngày 21/9/2012, bà Y1 cùng hộ khẩu gia đình với chị Ph. Quá trình vận động theo biên bản ngày 24/9/2014, thông qua mẹ là bà Y1, chị Ph vẫn chưa đồng ý về phương án bồi thường và ngày 18/12/2015, chị Ph không cho kiểm đếm. Ngày 02/6/2016 niêm yết phương án bồi thường bổ sung và ngày 02/12/2016 vận động nhưng chị Ph không đồng ý nhận tiền. Qua đó, thể hiện ông D, bà Y1 và chị Ph đều biết việc thu hồi đất để thực hiện dự án và đồng ý việc thu hồi nhưng chỉ không đồng ý về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định nội dung thu hồi đất là có căn cứ.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của chị Trần Hải Ph về việc cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất bị thu hồi nằm trong hay ngoài ranh quy hoạch, đề nghị hủy án sơ thẩm để làm rõ nội dung trên:

Xét, tại cấp phúc thẩm người bị kiện xuất trình bản đồ chi tiết khu hành chính tỉnh và dân cư Phường 9, thị xã VL ngày 03/9/2006 và trích đo hiện trạng mặt bằng sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh VL ngày 25/11/2009 thể hiện phần nhà đất của chị Trần Hải Ph nằm trong ranh quy hoạch; do đó, kháng cáo về nội dung này không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy quyết định 1699/QĐ-UBND là có căn cứ.

[4] Từ những viện dẫn nêu trên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát; bác kháng cáo của chị Trần Hải Ph, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Trần Hải Ph phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000079 ngày 21/01/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh VL; nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; các Điều 3, 5, 30, 32, 115, 116, 173, 193, 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 44 Luật đất đai năm 2003; các Điều 34, 69, 113, 114 Luật Đất Đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành luật đất đai.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện chị Trần Hải Ph; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh VL.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Trần Hải Ph về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố VL, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung công trình: Khu hành chính tỉnh và Khu dân cư Phường 9-TPVL.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hải Ph về việc hủy Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố VL, về việc thu hồi 189,0 (50,0 ở đô thị + 139,0 lâu năm quả) m² đất tọa lạc tại phường 9 thành phố VL.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc chị Trần Hải Ph phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000958 ngày 25/5/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh VL.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chị Trần Hải Ph phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000079 ngày 21/01/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh VL; nên không phải nộp thêm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh VL;
- VKSND tỉnh VL;
- Cục THADS tỉnh VL;
- Các đương sự (5);
- Lưu VT (5), HS (2), 17b, (ÁN09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tửu